TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 4 - 2026
"V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Yao Bkrông, bà Nguyễn Thị Tuyết

- **Thư ký phiên toà**: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Chu Thị K, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, tỉnh Đắk Lắk.Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn 6 , xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Chu Thị K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị K và ông Nguyễn Viết H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E) ngày 27/6/2019. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng nên

đã không sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà K và ông H có một con chung là Nguyễn Chu Việt H, sinh ngày 26/11/2019. Bà K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Chu Việt H cho đến khi thành niên. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Viết H đăng ký thường trú tại Thôn 6 E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông H để tham gia tố tụng, nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83, 84 LHN&GĐ. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Chu Thị K, cho Bà Chu Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Viết H. Giao con chung Nguyễn Chu Việt H, sinh ngày 26/11/2019 cho Bà Chu Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa á nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại

phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E) ngày 27/6/2019, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 02 năm, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng là thực tế. Bị đơn đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập đến làm việc và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, cho thấy bị đơn không có thiện chí tiếp tục cuộc sống hôn nhân với nguyên đơn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có một con chung là Nguyễn Chu Việt H, sinh ngày 26/11/2019. Xét thấy, nguyên đơn có khả năng lao động đáp ứng cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HN&GĐ, giao con chung Nguyễn Chu Việt H, sinh ngày 26/11/2019 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX đề cập giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, các Điều 227, 228, 238, 244, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Chu Thị K, xử cho Bà Chu Thị K ly hôn với ông Nguyễn Viết H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chu Việt H, sinh ngày 26/11/2019 cho Bà Chu Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn Bà Chu Thị K phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004214 ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV 7 – Đắk Lắk;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

Vũ Thị Hải